

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 36

/// N.T.H. 2.7.11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Trịnh Văn Thới	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Duân
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

311
0N
NH
L
ET
DA
=

Số: 465 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập ngày 20 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.492.254.883	93.673.078.499
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.001.661.015	6.520.439.381
1. Tiền	111		5.001.661.015	6.520.439.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.095.437.728	52.312.358.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	61.501.756.049	55.638.733.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		106.380.215	452.725.559
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.757.071.412	9.409.567.085
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.303.814.188)	(20.222.711.357)
III. Hàng tồn kho	140	10	32.360.907.053	34.095.239.508
1. Hàng tồn kho	141		32.360.907.053	34.095.239.508
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.034.249.087	745.040.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		608.487.069	292.456.237
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		425.762.018	452.584.630
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.986.590.369	69.961.083.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.646.174.857	29.236.876.649
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	12.848.634.083	28.093.285.455
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	797.540.774	1.143.591.194
II. Tài sản cố định	220		5.799.982.406	5.527.890.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.799.982.406	5.527.890.118
- Nguyên giá	222		28.169.255.489	28.820.489.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.369.273.083)	(23.292.599.067)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.305.632.745	1.451.878.807
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	242	13	1.305.632.745	1.451.878.807
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.877.889.647	33.464.366.905
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	28.964.366.902
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	4.374.000.000	6.900.000.003
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.496.110.353)	(2.400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		356.910.714	280.070.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		356.910.714	280.070.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		128.478.845.252	163.634.161.844

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.303.777.864	105.041.306.180
I. Nợ ngắn hạn	310		64.709.039.132	90.919.993.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.916.028.392	4.713.361.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.160.578.960	10.381.185.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.061.263.584	9.899.812.345
4. Phải trả người lao động	314		23.688.363.069	31.745.341.947
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		289.951.875	722.970.083
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	15.039.343.498	24.270.079.032
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.653.757.329	8.644.451.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		899.752.425	542.790.960
II. Nợ dài hạn	330		9.594.738.732	14.121.312.923
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16	4.751.377.293	9.352.632.708
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	657.119.417
3. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.174.132.054	3.321.523.479
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	305.700.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		693.117.066	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	790.037.319
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.175.067.388	58.592.855.664
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.175.067.388	58.592.855.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	13.148.748.099	12.831.772.099
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	6.128.566.831	9.012.900.557
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.964.366.901	909.725.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.164.199.930	8.103.174.985
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		298.653.746	2.149.084.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		128.478.845.252	163.634.161.844


Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu


Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng


Đinh Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.085.327.124	109.198.683.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		105.377.644	967.960.478
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		85.979.949.480	108.230.723.431
4. Giá vốn hàng bán	11		61.810.751.610	81.064.744.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.169.197.870	27.165.979.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	681.172.923	4.980.959.451
7. Chi phí tài chính	22	23	4.927.683.046	3.491.183.795
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		757.037.316	1.118.373.800
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		523.051.257	3.348.010.103
9. Chi phí bán hàng	25		179.060.075	200.102.563
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	17.098.062.371	23.050.754.954
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		3.168.616.558	8.752.907.406
12. Thu nhập khác	31	24	704.325.677	897.471.049
13. Chi phí khác	32	25	889.075.915	1.275.003.792
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(184.750.238)	(377.532.743)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.983.866.320	8.375.374.663
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.152.648.036	960.635.856
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		693.117.066	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.138.101.218	7.414.738.807
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		1.164.199.930	8.103.174.985
20. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(26.098.712)	(688.436.178)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	446	2.675

Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Đình Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.983.866.320		8.375.374.663	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.020.874.241		1.094.532.609	
Các khoản dự phòng	03	2.390.684.894		11.283.165.578	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-		148.258.904	
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	2.492.548.017		(4.176.988.077)	
Chi phí lãi vay	06	757.037.316		1.118.373.800	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động					
Thay đổi các khoản phải thu	09	(389.713.209)		17.718.336.326	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.418.863.078)		1.300.540.175	
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(19.445.832.851)		(25.610.066.211)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	(391.826.937)		885.926.977	
Tiền lãi vay đã trả	14	(757.037.316)		(1.101.805.268)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.238.708.020)		(1.114.941.361)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-		416.646.080	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(882.525.000)		(867.817.319)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.879.495.623)		9.469.536.876	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.172.001.085)		(419.069.894)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.030.000		-	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(3.277.804.203)	
4. Tiền thuần từ thu hồi đầu tư vốn đơn vị khác	26	26.093.330.688		-	
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.000.000		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.655.359.603		(3.696.874.097)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.253.507.602		12.368.490.132	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.938.501.948)		(13.001.035.506)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.609.648.000)		(4.175.436.800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.294.642.346)		(4.807.982.174)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.481.221.634		964.680.605	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.520.439.381		5.555.758.776	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	8.001.661.015		6.520.439.381	


Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2016


Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN
SÔNG ĐÀ
ĐINH VĂN DUẤN
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 323 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 387 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số sự kiện quan trọng sau:

- Công ty đã thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (chi tiết xem tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc) cho nhiệm kỳ 2015 - 2019.
- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty con - Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada (VCE) trong tháng 3 năm 2015, chuyển nhượng 41% cổ phần trong số 51% cổ phần đang sở hữu theo giá trị sổ sách là 1.943.466.830 VND cho cổ đông hiện hữu của Công ty VCE.

2
K
H
O
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động (Tiếp theo):

- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty liên kết - Công ty Cổ phần thủy điện Đăk Đoa trong tháng 7 năm 2015 bằng cách bán 100% cổ phần Công ty nắm giữ thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom theo giá trị giao dịch là 25.939.050.000 VND.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng.

- Trung tâm thí nghiệm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

30
3
4
H
T
N
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày cuối năm tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

9-1
TY
DU HA
TE
IM
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY SÔNG ĐÀ
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm 2015</u> Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

 100%
CÔ
ĐHN
E1
TẾ
10/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	122.572.734	650.828.399
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.879.088.281	5.869.610.982
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	-
	<u>8.001.661.015</u>	<u>6.520.439.381</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc là 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt với lãi suất 4,8%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- <i>Đầu tư vào công ty liên kết:</i>	-	-	28.964.366.902	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	-	-	28.964.366.902	-
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác:</i>	4.374.000.000	(2.496.110.353)	6.900.000.003	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	474.000.000	(96.110.353)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.003	-
Đầu tư đơn vị khác	-	-	3.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.501.756.049	55.638.733.216
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	3.762.663.823
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	4.485.993.270	1.470.000.000
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	3.065.979.647	2.910.332.807
Phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh số 31)	19.103.594.494	12.177.182.779
Các khoản phải thu khách hàng khác	29.240.376.546	35.318.553.807
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	12.848.634.083	28.093.285.455
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	1.915.517.364	1.065.906.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Đrinh	2.336.258.537	2.336.258.537
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	6.309.126.305
Phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh số 31)	866.227.581	1.590.351.906
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.874.769.846	16.791.642.707
	<u>74.350.390.132</u>	<u>83.732.018.671</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	17.757.071.412	9.409.567.085
- Cầm cố, ký cược ngắn hạn (i)	10.000.000.000	-
- Tạm ứng cho các tổ, đội	3.586.565.851	4.158.144.990
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức năm 2012, 2013 phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	1.080.000.000	1.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	1.055.517.484	1.416.434.018
b. Dài hạn	797.540.774	1.143.591.194
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	35.931.180	381.981.600
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	<u>18.554.612.186</u>	<u>10.553.158.279</u>

- (i) Khoản cầm cố, ký cược ngắn hạn thể hiện giá trị của chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015 được cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty theo các hợp đồng cấp tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 25 tháng 8 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu				
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	3.826.251.327	946.180.023	4.226.251.327	1.881.208.098
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	760.271.680	760.271.680	1.881.208.098	1.881.208.098
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	371.816.686	185.908.343	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.694.162.961	-	2.345.043.229	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	2.923.443.020	3.762.663.823	-
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.923.443.020	2.923.443.020	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.682.369.072	-	3.762.663.823	-
Đối tượng khác	83.472.938.899	66.731.565.087	86.296.261.800	72.181.257.495
Tổng cộng số dư công nợ	92.905.002.318	70.601.188.130	94.285.176.950	74.062.465.593

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.238.811	-	24.782.532	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.339.713.242	-	34.059.110.976	-
Thành phẩm	2.869.000	-	11.346.000	-
Hàng hóa	86.000	-	-	-
	32.360.907.053	-	34.095.239.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	8.567.444.595	11.578.486.122	8.254.210.025	420.348.443	28.820.489.185
Tăng trong năm	-	1.309.773.054	-	-	1.309.773.054
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.239.807)	(340.600.200)	(127.922.643)	(1.431.762.650)
Giảm khi thoái vốn khỏi công ty con	-	-	(489.744.100)	(39.500.000)	(529.244.100)
Tại ngày 31/12/2015	8.567.444.595	11.925.019.369	7.423.865.725	252.925.800	28.169.255.489
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.357.287.430	8.715.556.948	8.010.967.331	208.787.358	23.292.599.067
Khấu hao trong năm	111.177.242	658.785.887	171.700.728	79.210.384	1.020.874.241
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.239.807)	(340.600.200)	(127.922.643)	(1.431.762.650)
Giảm khi thoái vốn khỏi công ty con	-	-	(489.744.100)	(22.693.475)	(512.437.575)
Tại ngày 31/12/2015	6.468.464.672	8.411.103.028	7.352.323.759	137.381.624	22.369.273.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	2.098.979.923	3.513.916.341	71.541.966	115.544.176	5.799.982.406
Tại ngày 31/12/2014	2.210.157.165	2.862.929.174	243.242.694	211.561.085	5.527.890.118

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 71.754.966 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 243.242.694 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.582.750.116 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19.826.266.445 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Bù trừ thuế GTGT được khấu trừ/ Điều chỉnh khác	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>					
Thuế giá trị gia tăng	2.513.532.527	7.154.176.811	(1.325.369.740)	(7.142.324.929)	1.200.014.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.432.764	1.152.648.036	90.094.829	(2.238.708.020)	279.467.609
Thuế thu nhập cá nhân	1.226.957.269	292.488.963	-	(1.476.814.013)	42.632.219
Thuế đất	456.921.493	648.784.487	-	(570.773.500)	534.932.480
Các khoản phải nộp khác	4.426.968.292	81.214.123	-	(4.503.965.808)	4.216.607
	9.899.812.345	9.329.312.420	(1.235.274.911)	(15.932.586.270)	2.061.263.584

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Căn hộ thuộc dự án City View Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	230.831.995	35.670.000
- Hệ thống đường ống nước	-	341.408.057
	1.305.632.745	1.451.878.807

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Lợi, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G9 - số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.916.028.392	5.916.028.392	4.713.361.926	4.713.361.926
Các bên liên quan (xem Thuyết minh số 31)	666.702.834	666.702.834	2.443.645.323	2.443.645.323
Các đối tượng khác	5.249.325.558	5.249.325.558	2.269.716.603	2.269.716.603
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	4.751.377.293	4.751.377.293	9.352.632.708	9.352.632.708
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Các đối tượng khác	1.732.618.260	1.732.618.260	6.333.873.675	6.333.873.675
	10.667.405.685	10.667.405.685	14.065.994.634	14.065.994.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả các tổ, đội thi công	12.349.868.618	18.926.353.704
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	409.431.516	1.408.544.308
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.280.043.364	3.935.181.020
	<u>15.039.343.498</u>	<u>24.270.079.032</u>
b) Dài hạn		
Phần trăm giữ lại chờ hết hạn bảo hành	3.174.132.054	3.321.523.479
	<u>3.174.132.054</u>	<u>3.321.523.479</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>Trong năm</u>		<u>31/12/2015</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	8.644.451.675	5.790.807.602	11.781.501.948	2.653.757.329
	<u>8.644.451.675</u>	<u>5.790.807.602</u>	<u>11.781.501.948</u>	<u>2.653.757.329</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 91/2014-HĐTDHM/NHCT127-TSVĐ ngày 15 tháng 10 năm 2014. Hạn mức tối đa là 20.000.000.0000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và thế chấp quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và thế chấp tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT127-TVSD.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>Trong năm</u>		<u>31/12/2015</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
Vay dài hạn	-	462.700.000	157.000.000	305.700.000
Trong đó:				
- Hợp đồng số 01/2015	-	257.600.000	105.000.000	152.600.000
- Hợp đồng số 02/2015	-	205.100.000	52.000.000	153.100.000
	<u>-</u>	<u>462.700.000</u>	<u>157.000.000</u>	<u>305.700.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Trong 2015, Công ty ký hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/ năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/ năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	305.700.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>305.700.000</u>	<u>-</u>

010
 C
 RÁC
 Đ
 V
 NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.729.594.633	2.509.272.217	3.847.472.051	50.685.437.613
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.103.174.985	8.103.174.985
Trích lập các quỹ	-	-	-	606.569.421	151.642.355	(1.467.021.106)	(708.809.330)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.565.826.000)	(1.565.826.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(165.306.527)	-	95.100.627	(70.205.900)
Số dư tại ngày 01/01/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	10.170.857.527	2.660.914.572	9.012.900.557	56.443.771.368
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.660.914.572	(2.660.914.572)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.831.772.099	-	9.012.900.557	56.443.771.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.164.199.930	1.164.199.930
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	623.288.997	-	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Điều chỉnh giảm khi thoái vốn công ty con	-	-	-	(306.312.997)	-	306.312.997	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.148.748.099	-	6.128.566.831	53.876.413.642

- (i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh (giá trị 568 triệu VND) và dùng để đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (giá trị 7,9 tỷ VND).
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 19/NQ/2015/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã phân bổ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 như sau: Quỹ đầu tư phát triển (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang) là 623.288.997 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 921.909.656 VND; Quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và chia cổ tức năm 2014 là 2.609.648.000 VND. Trong năm 2015, Công ty đã thanh toán đầy đủ khoản cổ tức này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết như sau:

	<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2015</u>		<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2014</u>	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Sông Đà	13.309.520.000	51%	13.309.520.000	51%
Cổ đông khác	12.787.580.000	49%	12.787.580.000	49%
Tổng cộng	26.097.100.000	100%	26.097.100.000	100%

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.391.500.325	7.404.501.229
Chi phí nhân công	55.168.578.937	65.198.983.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.020.874.241	1.094.532.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.274.796.337	5.696.365.452
Chi phí khác	14.527.655.804	21.633.807.779
	82.383.405.644	101.028.190.815

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần công ty con	518.805.718	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.483.194	43.031.024
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.884.011	760.940.350
Lãi cho vay	-	2.034.988.077
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.142.000.000
	681.172.923	4.980.959.451

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	757.037.316	1.118.373.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	487.258.643	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	96.110.353	2.372.809.995
Lỗ thoái vốn khỏi công ty liên kết	3.548.368.159	-
Chi phí tài chính khác	38.908.575	-
	4.927.683.046	3.491.183.795

24. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	521.978.460	785.983.629
Tiền phạt thu được	84.237.189	-
Các khoản khác	98.110.028	111.487.420
	704.325.677	897.471.049

25. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	365.212.891	929.460.470
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	439.625.835	345.276.000
Tiền phạt kinh tế phải trả	84.237.189	-
Chi phí khác	-	267.322
	889.075.915	1.275.003.792

506
T
H
T
N
A
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.685.754.509	10.152.039.058
Chi phí bằng tiền khác	1.512.374.386	1.912.595.875
Chi phí dự phòng	2.294.574.541	8.910.355.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.010.721.920	816.166.111
Thuế, phí và lệ phí	688.158.128	426.157.906
Chi phí vật liệu quản lý	429.870.098	373.968.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	304.908.061	286.071.490
Chi phí khấu hao TSCĐ	171.700.728	173.400.709
	17.098.062.371	23.050.754.954

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.152.648.036	959.062.106
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.573.750
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.152.648.036	960.635.856

Chi tiết:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.983.866.320	8.375.374.663
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	6.452.387.454	2.977.214.544
- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	364.905.872	928.835.699
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	54.000.000	122.055.000
- Điều chỉnh lỗ công ty con đã thoái vốn	55.762.363	1.926.323.845
- Hủy hoàn nhập dự phòng đầu tư công ty con đã thoái vốn	490.301.060	-
- Lỗ thoái vốn từ công ty liên kết	5.487.418.159	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(4.196.944.522)	(6.993.215.998)
- Lợi nhuận công ty con	(4.622.261)	-
- Hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi công ty con	(3.150.532.116)	(1.503.205.896)
- Lãi từ công ty liên kết trước thoái vốn	(523.051.257)	(3.348.010.102)
- Lãi thoái vốn khỏi công ty con	(518.738.888)	-
- Cổ tức được chia	-	(2.142.000.000)
Lợi nhuận tính thuế	5.239.309.252	4.359.373.209
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.152.648.036	959.062.106

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 966,4 m² đất Nhà nước cho thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, là trụ sở chính của Công ty, tại số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m²/năm với 869,9 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m²/năm với 96,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

- Tổng số tiền thuê 4.400 m² đất Nhà nước cho thuê thời hạn 30 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, để sử dụng làm Trung tâm thí nghiệm tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với giá tiền thuê là 15.400.000 VND/năm. Thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2003.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19 trừ đi tiền và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	2.959.457.329	8.644.451.675
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.001.661.015)	(6.520.439.381)
Nợ thuần	-	2.124.012.294
Vốn chủ sở hữu	54.175.067.388	58.592.855.664
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>0,04</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.001.661.015	6.520.439.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.048.666.519	76.938.364.843
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.877.889.647	4.500.000.003
Tổng cộng	<u>83.928.217.181</u>	<u>87.958.804.227</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	2.959.457.329	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	28.471.449.721	40.249.052.837
Chi phí phải trả	289.951.875	722.970.083
Tổng cộng	<u>31.720.858.925</u>	<u>49.616.474.595</u>

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 59.189.147 VND (năm 2014: 172.889.034 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(59.189.147)
VND	-200	59.189.147
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(172.889.034)
VND	-200	172.889.034

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.001.661.015	-	8.001.661.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.402.491.662	13.646.174.857	74.048.666.519
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.877.889.647	1.877.889.647
Tổng cộng	68.404.152.677	15.524.064.504	83.928.217.181
31/12/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	2.653.757.329	305.700.000	2.959.457.329
Phải trả người bán và phải trả khác	20.545.940.374	7.925.509.347	28.471.449.721
Chi phí phải trả	289.951.875	-	289.951.875
Tổng cộng	23.489.649.578	8.231.209.347	31.720.858.925
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.914.503.099	7.292.855.157	52.207.358.256
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.520.439.381	-	6.520.439.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.701.488.194	29.236.876.649	76.938.364.843
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.500.000.003	4.500.000.003
Tổng cộng	54.221.927.575	33.736.876.652	87.958.804.227
31/12/2014			
Vay và nợ thuê tài chính	8.644.451.675	-	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	27.574.896.650	12.674.156.187	40.249.052.837
Chi phí phải trả	722.970.083	-	722.970.083
Tổng cộng	36.942.318.408	12.674.156.187	49.616.474.595
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.279.609.167	21.062.720.465	38.342.329.632

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu cung ứng dịch vụ	32.145.691.923	32.284.856.163
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	7.677.007.156	8.906.908.176
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.271.175.793	5.945.845.011
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.482.000.277	4.150.749.812
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.560.458.646	6.399.933.452
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	6.009.302.995	2.945.019.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.149.737.294	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.349.431.579	3.571.141.563
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	1.646.578.183	365.258.949
Cổ tức phải trả	1.330.920.480	798.571.260
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	798.571.260

25
G
EM
01
11

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	19.103.594.494	12.177.182.779
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.332.366.906	2.212.169.726
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.122.822.562	751.713.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.827.989.440	1.240.825.359
Tổng Công ty Sông Đà	1.575.168.609	1.521.358.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.591.225.984	1.091.940.849
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.504.986.885	1.012.835.621
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.470.555.884	805.844.861
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.367.313.939	1.538.479.377
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	826.775.333	786.763.026
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.190.076.747	970.561.298
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	819.992.205	244.690.898
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	474.320.000	-
Phải thu khách hàng dài hạn	866.227.581	1.590.351.906
Tổng Công ty Sông Đà	449.431.838	535.004.812
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	416.795.743	1.055.347.094
Phải trả người bán ngắn hạn	666.702.834	2.443.645.323
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	2.226.779.351
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11	63.881.664	216.865.972
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:		
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.098.315.260	932.881.898

09 / T H U T I A / TP //

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh, phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay như sau:

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7.034.044.240	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	Phân loại lại và đổi tên, đổi mã số
2. Phải thu khách hàng	131	83.732.018.672	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	55.638.733.216	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	452.725.559	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	452.725.559	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.034.044.240	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	135	5.316.269.067	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.409.567.085	Phân loại lại và đổi tên, đổi mã số
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	47.015.344	6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	292.456.237	Phân loại lại
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.854.907.612	7. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại và đổi mã số
7. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	8. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	28.093.285.455	Phân loại lại
8. Phải thu dài hạn khác	218	-	9. Phải thu dài hạn khác	216	1.143.591.194	Phân loại lại và đổi mã số
9. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	446.300.864	10. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	50.000.000	Phân loại lại
10. Giá trị hao mòn - Tài sản cố định vô hình	229	(446.300.864)	11. Giá trị hao mòn - Tài sản cố định vô hình	229	(50.000.000)	Phân loại lại
11. Chi phí trả trước dài hạn	261	525.511.758	12. Chi phí trả trước dài hạn	261	280.070.866	Phân loại lại
12. Tài sản dài hạn khác	268	381.981.600	13. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.644.451.675	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	8.644.451.675	Đổi tên và đổi mã số
2. Phải trả người bán	312	14.065.994.634	2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.713.361.926	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
3. Người mua trả tiền trước	313	10.322.013.362	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.381.185.289	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	27.591.602.511	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	24.270.079.032	Phân loại lại và đổi tên
5. Phải trả dài hạn người bán	331	-	5. Phải trả người bán dài hạn	331	9.352.632.708	Phân loại lại và đổi tên
6. Phải trả dài hạn khác	333	-	6. Phải trả dài hạn khác	337	3.321.523.479	Phân loại lại và đổi mã số
7. Doanh thu chưa thực hiện	338	716.291.344	7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	657.119.417	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	10.170.857.527	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	12.831.772.099	Phân loại lại và đổi mã số
9. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.660.914.572	Không có chỉ tiêu tương ứng			



Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu



Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng



Đình Văn Đuân
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SDCC

Số: 49/SDCC-TCK

Hà nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

" V/v : Giải trình báo cáo hợp nhất "

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. **Tên Công ty : Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.**
2. Mã chứng khoán : SDC
3. Trụ sở chính : Nhà G9 - Số 495 - Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 043.8542209 Fax : 043.8545855
5. Người thực hiện công bố thông tin : Đinh Văn Duẩn
6. Nội dung của thông tin công bố :

Giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty mẹ (chỉ tiêu 61 trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất) sau kiểm toán là 1,164,199,930 VND, giảm so với số liệu trước kiểm toán 5,666,453,318 VND (số liệu trước kiểm toán là 6,830,653,248 VND) do ảnh hưởng của các yếu tố:

- Công ty bổ sung bút toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi loại trừ chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào công ty mẹ theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn về lập báo cáo tài chính hợp nhất. Ảnh hưởng bút toán này làm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giảm tương ứng 693 triệu đồng.

- Trên báo cáo tài chính được kiểm toán, sau khi có số liệu chắc chắn xác định được chênh lệch giữa số tiền thu hồi và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm thoái vốn, Công ty đã điều chỉnh trực tiếp vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm 2015 thay vì điều chỉnh trực tiếp vào Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chỉ tiêu 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ảnh hưởng bút toán này làm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ trên báo cáo kết quả kinh doanh giảm 4,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, bút toán này không ảnh hưởng đến chỉ

tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chỉ tiêu 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, và chỉ tiêu này vẫn lớn hơn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.sdcc.com.
8. Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu văn thư

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dinh Văn Tuấn